

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 30-3-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng góp hui và
vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Hoàng Sơn**;

2. Bà **Mai Thị Kim Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng góp hui và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ B, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Anh **Hà Xuân L**, sinh năm 1989 và chị **Trương Ngọc V**, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Tổ C, ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 16/10/2020 của bà **Nguyễn Thị D**, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của bà D là Bà **Nguyễn Thị H** trình bày:

Do quen biết nhau và thấy vợ chồng anh L, chị V kinh doanh xăng dầu tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh có thu nhập ổn định nên bà D có cho anh L, chị V tham

gia góp hui và vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 25/5/2019, bà D là chủ thảo hui có khui 03 dây hui tháng 5.000.000 đồng, mỗi dây hui đều có 13 phần, hui sẽ mãn vào ngày 25/6/2020. Anh L, chị V tham gia mỗi dây hui 01 phần (03 dây hui tham gia 03 phần). Cả 03 dây hui trên anh L, chị V đều lãnh hui ở kỳ đầu tiên được tổng cộng 136.800.000 đồng; anh chị phải góp hui chết 12 kỳ với số tiền tổng cộng 180.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi lãnh hui đến nay anh L, chị V mới góp được 14.000.000 đồng, còn nợ 166.000.000 đồng. Bà D phải góp choàng số tiền trên cho anh L, chị V cho đến khi hui mãn.

Ngày 04/11/2019, anh L, chị V vay của bà D 60.000.000 đồng; ngày 15/02/2020 vay thêm 15.000.000 đồng, tổng cộng 75.000.000 đồng. Cả 02 lần vay đều có làm giấy, mục đích vay để trả lãi ngân hàng, anh L chị V hẹn sau khi vay lại được tiền ngân hàng sẽ trả tiền vay và góp hui cho bà D một lần nhưng không thực hiện. Bà D nhiều lần đến gặp yêu cầu chị V trả tiền, chị V hứa hẹn nhiều lần mà cũng không trả nên bà D mới khởi kiện.

Khi góp hui và cho vay tiền thì anh L, chị V cư trú tại địa chỉ Tổ A, ấp C, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Hiện nay, anh chị ở đâu thì bà D không biết nên không cung cấp được địa chỉ theo yêu cầu cung cấp chứng cứ theo Quyết định số 01/2021/QĐ-CCTLCC ngày 06/01/2021 của Tòa án. Bà D yêu cầu giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật vì anh L, chị V cố tình giấu địa chỉ sau khi thay đổi nơi cư trú.

Nay bà đại diện cho bà D yêu cầu anh L, chị V cùng có nghĩa vụ trả cho bà D 166.000.000 đồng tiền hui và 75.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 241.000.000 đồng; yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 16/10/2020 đến ngày 16/3/2021. Ngoài ra, bà D không yêu cầu gì khác.

Anh L và chị V đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc anh L và chị V cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà D 241.000.000 đồng tiền gốc; ghi nhận bà D không yêu cầu tính lãi.

+ Buộc anh L và chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà D vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà H đại diện; anh L và chị V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D, anh L và chị V.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà D là bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu Tòa án buộc anh L và chị V trả cho bà D 241.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của bà D thấy rằng: Theo giấy viết tay xác nhận nợ hui ngày 23/10/2019, các giấy viết tay xác nhận nợ vay ngày 04/11/2019 và ngày 15/02/2020 do bà D cung cấp thể hiện anh L, chị V có ký tên xác nhận có nợ bà D 166.000.000 đồng tiền hui và xác nhận có vay của bà D số tiền 75.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh L, chị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc khởi kiện của bà D là không có căn cứ nên phải chịu hậu quả pháp lý do việc không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, có đủ căn cứ xác định anh L, chị V có nợ bà D 166.000.000 đồng tiền hui và có vay của bà D số tiền 75.000.000 đồng theo các giấy xác nhận nợ trên là có thật.

Anh L và chị V là vợ chồng, tham gia góp hui và vay tiền của bà D trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, cần buộc anh L và chị V cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà D số tiền nợ gốc là 241.000.000 đồng là phù hợp với quy định các Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của bà D thấy rằng: Tại phiên tòa, bà H đại diện cho bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện theo hướng không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Như vậy, cần buộc anh L và chị V cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà D tổng số tiền gốc là 241.000.000 đồng; ghi nhận bà D không yêu cầu tính lãi.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh L và chị V phải chịu 12.050.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho bà D 6.025.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đối với anh Hà Xuân L và chị Trương Ngọc V về việc tranh chấp Hợp đồng góp hui và vay tài sản.

Buộc anh Hà Xuân L và chị Trương Ngọc V cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị D 241.000.000 (hai trăm bốn mươi một triệu) đồng tiền gốc; ghi nhận bà Nguyễn Thị D không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án anh Hà Xuân L và chị Trương Ngọc V không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án anh Hà Xuân L và chị Trương Ngọc V còn phải trả cho người được thi hành án bà Nguyễn Thị D số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh Hà Xuân L và chị Trương Ngọc V phải chịu 12.050.000 (mười hai triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D 6.025.000 (Sáu triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001299 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (do Nguyễn Thị H nộp thay).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà D biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh L, chị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Chung